TÒA ÁN NDTPTHÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2019/HS-ST
Ngày 18/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Hg Thúy Kiên;**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Ninh;**

Bà Võ Thu Trang;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền**- Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Nhung** - *Kiểm sát viên;*

Hôm nay, ngày 18/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2019/TLST-HS ngày 01/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS ngày 04/3/2019, đối với bị cáo:

Phạm Đức H; Tên gọi khác**: H**; sinh ngày 09/01/1984, tại tỉnh Thái Nguyên; Đăng ký HKTT: Tổ 8, phường Hg Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; Chỗ ở: Xóm Nhân Hòa, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Phạm Quang U (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: - Tại Bản án số 69/HSST ngày 20/09/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 9 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Đã chấp hành xong Bản án ngày 22/6/2011.

-Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 473 ngày 12/11/2018 của Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản ngày 27/9/2018 (tài sản trộm cắp giá trị 1.000.000đ)

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/10/2018 đến nay. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

+ Người bị hại: Chị Hà Thị T, sinh năm 1982; Đăng ký HKTT và ở: Tổ10, phường Quang Vinh, TP Thái Nguyên (có mặt)

+ Người làm chứng: 1. Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1991;

Đăng ký HKTTvà ở: Tổ 27, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên;

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966; Đăng ký HKTTvà ở: Xóm Nhân Hòa, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên;

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 22/8/2018, chị Hà Thị T cùng bạn là anh Trịnh Minh T đến chỗ ở của Phạm Đức H tại xóm Nhân Hòa, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên (H ở cùng mẹ là bà Phạm Thị N), với mục đích lấy tư trang cá nhân của chị T để tại nhà H (chị T là người yêu của H, trước đó có chung sống cùng H). Chị T có bế theo cháu nhỏ (cháu Tạ Quang T, sinh năm 2014 là con của em gái chị T). Khi chị T và anh T đến nhà H, chị T bế cháu nhỏ ngồi trên ghế tại phòng khách, H bất ngờ lao tới và dùng tay phải đấm vào phần mặt bên trái chị T, rồi tiếp tục dùng tay phải bóp chặt đùi chị T, dùng tay trái lấy trong túi quần của chị T 01 chiếc điện thoại iphone 6 plus, sau đó đem cất giấu tại bụi cây phía ngoài cổng nhà. Chị T không dám chống cự vì đã bị H đánh, mặt khác sợ H làm hại đến cháu nhỏ nên chị T ngồi im để H lấy điện thoại. Sau khi giấu điện thoại, H quay vào phòng khách, thấy chị T đang thu dọn tư trang cá nhân, H dùng tay phải cầm 01 con dao - dạng dao thái phở màu đen- lưỡi dao màu trắng, dài khoảng 30cm từ kệ gỗ trong phòng khách dọa chém chị T (H không muốn chị T bỏ đi), lúc này Tổ công tác của Công an phường Thịnh Đức có mặt tại hiện trường - trong đó có ông Cúc (Công an viên của xóm Nhân Hòa) đã kịp ngăn chặn và tước con dao trên tay H. Được Tổ công tác đã vận động, ngay sau đó H đã tự nguyện trả lại chị T chiếc điện thoại nói trên.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản về toàn bộ sự việc. Đến ngày 02/10/2018 Cơ quan điều tra đã thu giữ con dao H sử dụng de dọa chị T. Sau đó H đã bỏ nhà sống lang thang, Cơ quan điều tra đã có quyết định truy nã đối với H.

Tại Cơ quan điều tra H thừa nhận: Bản thân là đối tượng nghiện ma túy, khi đang có nhu cầu sử dụng ma túy thì thấy chị T đến nhà H, nghi trong túi quần của chị T để điện thoại, H nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của chị T đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Do đó, H đã có hành vi dùng vũ lực tấn công chị T, khi chị T lâm vào tình trạng không thể chống cự được H đã chiếm đoạt tài sản của chị T như nêu trên.

Tại Bản kết luận số 305/HĐĐGTS ngày 24/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Giá trị chiếc điện thoại H đã chiếm đoạt của chị T nêu trên là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) - BL 52;

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSTPTN ngày 31 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Phạm Đức H về tội ***"Cướp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bị hại, nhân chứng xác nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như lời khai của bị cáo nêu trên. Bị hại xác định đã nhận lại tài sản do H chiếm đoạt, do đó không có yêu cầu gì và giữ nguyên ý kiến trong đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đức H phạm tội ***"Cướp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải)*; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; .

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ **04** năm đến **05** năm tù;

Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận mà H toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Đức H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời nhận tội tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, kết quả định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác. Chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi Phạm Đức H dùng vũ lực tấn công làm cho chị T lâm vào tình trạng không thể chống cự đ□ợc để H thực hiện mục đích chiếm đoạt tài sản của chị T như nêu trên là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội *"Cướp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức rõ hành vi bị cáo đã thực hiện bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ. Khoản 1Điều 168 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Ng□ời nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm ng□ời bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự đ□ợc nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

[3] ***Về tình tiết định khung hình phạt:*** Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên.

[4] ***Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:***

Xét thấy bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ nhưng thiếu ý thức tự giác rèn luyện, có lối sống buông thả, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đã bị kết án và phải học tập, cải tạo trong môi trường nghiêm ngặt, tuy bị cáo đã được xóa tiền án, nhưng thể hiện bị cáo không chịu cải tà quy chính, tu dưỡng rèn luyện bản thân mà ngày càng lấn sâu vào con đường tội lỗi, để thỏa mãn nhu

cầu ích kỷ của bản thân bị cáo đã bất chấp, coi thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự. Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 6 Điều 168 của Bộ luật hình sự 2015 quy định:*" Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng,... hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Tuy nhiên, căn cứ tình hình tài sản và khả năng thi hành của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Vật chứng: + 01 con dao - dạng dao thái phở màu đen- lưỡi dao màu trắng, dài khoảng 30cm (hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án thành phố Thái Nguyên), sau khi phạm tội bị cáo đã sử dụng con dao này đe dọa chị T, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: 01 chiếc iphone 6 plus màu xám, có dung lượng 16Gb là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, bị cáo đã trả lại cho bị hại. Do đó xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án đã giải quyết xong.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các quy định: - Khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Khoản 1 và khoản 3 Điều 329 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) ;

- Điểm c khoản 2 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

- Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức H** phạm tội:*" Cướp tài sản"*

2. Xử phạt bị cáo Phạm Đức H 48 (bốn tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/10/2018.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo;

3. **Về vật chứng**: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao dài 30cm, chuôi hình tròn, dính sơn màu đỏ, dao màu đen, lưỡi dao màu trắng, mặt dao có lỗ hình tròn, đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên (chi tiết vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2019)

4. Án phí**:** Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN **;**
- VKSND tỉnhTN
- **TAND** tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Bị cáo; BH;
- Lưu hồ sơ
- Lưu BP HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hg Thúy Kiên